TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOẰNG HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Duy Chuyên

Ông Lê Xuân Thư

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại Toà án nhân dân huyện Hoằng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 129/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Trịnh Văn C, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2023, các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị H và anh Trịnh Văn C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 05/5/2005. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, luôn sảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay cãi chửi nhau. Thời gian gần đây anh C hay uống rượu, đánh đập chị H nhiều lần. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Ánh D, sinh ngày 03/02/2010 và cháu Trịnh Văn H, sinh ngày 04/12/2013. Chị H xin được trực tiếp cả hai con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Chị H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 30/5/2023, anh Trịnh Văn C trình bày: Anh C và chị Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường cho đến khàng thời gian từ tháng 3/2022 đến nay, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế khó khăn nên vợ chồng bất hòa, anh C có chửi mắng và dọa nạt nhưng không đánh đập vợ. Sau đó chị H đã bỏ về mẹ đẻ ở từ tháng 4/2022 cho đến nay, anh C cũng đã nhờ công an xã giải quyết nhưng không ổn thỏa. Nay chị H cương quyết xin ly hôn anh C, quan điểm của anh C là không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Ánh D, sinh ngày 03/02/2010 và cháu Trịnh Văn H, sinh ngày 04/12/2013. Nếu chị H cương quyết ly hôn, anh tôn trọng nguyện vọng của các con về việc ở với bố hay với mẹ.

Về tài sản và công nợ: Anh C không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 31/5/2023:

- Về con chung: Anh C xin được trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Về tài sản: Anh C yêu cầu Tòa án lấy lại số tiền 20.000.000đ bán bò từ năm 2019 từ chị H và cho rằng đây là tiền riêng của anh C, không phải tiền chung vợ chồng nên anh C từ chối nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung vợ chồng.

Kết quả xác minh tại địa phương xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 31/5/2023: Chị Nguyễn Thị H và anh Trịnh Văn C có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 19/11/2010. Sau khi kết hôn, chị H và anh C chung sống tại thôn N, xã C, huyện H cho đến nay. Anh chị có hai con chung là cháu Trịnh Ánh D, sinh ngày 03/02/2010 và cháu Trịnh Văn H, sinh ngày 04/12/2013. Quá trình chung sống, chị H và anh không báo cáo với chính quyền địa phương về mâu thuẫn vợ chồng nên giữa anh chị có mâu thuẫn gì không và tình trạng mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình nhưng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trịnh Văn C. Về con: Đề nghị giao cháu Trịnh Ánh D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trịnh Văn H cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị H và anh C không ai

phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh C yêu cầu Tòa án buộc chị H trả lại cho anh số tiền bán bò năm 2019 là 20.000.000đ và cho rằng đây là tiền riêng của anh C, nhưng anh C không có bằng chứng chứng minh và cũng từ chối nộp tạm ứng án phí chia tài sản chung vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Đề nghị buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Trịnh Văn C và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung; bị đơn - anh C có địa chỉ tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:

Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa ngày 07/7/2023, bị đơn - anh C vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa, ấn định thời gian xét xử lại vụ án và tống đạt ngay Quyết định hoãn phiên tòa tới anh C. Tại phiên tòa lần thứ hai, anh C vắng mặt không có lý do.

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trịnh Văn C tự nguyện kết hôn và có đăng lý kết hôn tại UBND xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng, thời gian gần đây anh C hay uống rượu và chửi mắng chị H. Từ tháng 4/2023 đến nay, chị H đã về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh C.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Ánh D, sinh ngày 03/02/2010 và cháu Trịnh Văn H, sinh ngày 04/12/2013. Ly hôn, cả chị H và anh C đều xin được trực tiếp nuôi cả hai con chung. Hội đồng xét xử nhận định: Chị H và anh C đều khỏe mạnh, đủ điều kiện để trực tiếp nuôi các con nên cần giao cho chị H và anh

C mỗi người nuôi một con chung. Cháu Trịnh Ánh D xin được ở với mẹ, cháu Trịnh Văn H xin được ở với bố nên giao cháu Hưng cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Dương cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của các cháu và điều kiện chăm sóc,

'nuôi dưỡng, giáo dục con của chị H cũng như anh C. Chị H và anh C mỗi người nuôi một con chung nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản và công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh C yêu cầu Tòa án buộc chị H trả lại cho anh số tiền bán bò năm 2019 là 20.000.000đ và cho rằng đây là tiền riêng của anh C, nhưng anh C không có bằng chứng chứng minh và cũng từ chối nộp tạm ứng án phí chia tài sản chung vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận định: Số tiền bán bò 20.000.000đ được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, là tài sản do anh chị trực tiếp chăn nuôi nên là tài sản chung vợ chồng. Sau khi bán bò, tài sản do chị H trực tiếp quản lý, chị H trình bày chị đã sử dụng số tiền này vào chi tiêu gia đình và hiện không còn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét mà giành quyền yêu cầu chia tài sản cho anh C, chị H trong một vụ án khác.

[2.4]. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trịnh Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Văn H, sinh ngày 04/12/2013 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Trịnh Ánh D, sinh ngày 03/02/2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H và anh C không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số: AA/2021/0011490

ngày 09/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- UBND xã C;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Vân